| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUY NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 942/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 /9/2023
V/v Ly hôn giữa ông Đức và bà Chất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Văn Thảo Linh Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân*:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý
Ông Dương Hiệp Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Trúc Phương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 657/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 226/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1953; HKTT: Tổ 28, KV 5, phường N, TP.Q, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã G, huyện Gi, tỉnh N.

2. *Bị đơn*: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1958; HKTT: Tổ 28, KV 5, phường N, TP. Q, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, KV 7, phường Nh, TP. Q, tỉnh B.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày:*

Ông và bà Đinh Thị C tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện gi, tỉnh N vào ngày 07/4/1976. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà C và các con không tin tưởng, không tôn trọng và thường xuyên

xúc phạm ông. Mặc dù, ông đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa ông và bà C không thể hàn gắn mà ngày càng trầm trọng nên ông đã bỏ về quê để ở và sống ly thân với bà C từ cuối năm 2018. Nay ông nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu Toà giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị C.

Về con chung: Ông và bà C có 04 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1979; Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 1984 và Nguyễn Đình T, sinh năm 1986. Hiện nay các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn bà Đinh Thị C*: đã được Toà triệu tập hợp lệ đến Toà để khai báo; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà nhưng bà C đều cố tình vắng mặt.

*+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình Đ. Về con chung; tài sản chung: không xem xét giải quyết

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đinh Thị C có địa chỉ cư trú tại Tổ 7, KV 7, phường Nh, TP. Quy Nhơn, Bình Định. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Ông Nguyễn Đình Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Đinh Thị C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, bà C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đinh Thị C đi đến hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Gi, tỉnh N vào ngày 07/4/1976 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Đ nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà C và các con không tin tưởng, không tôn trọng và thường xuyên xúc phạm ông. Tuy ông đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không được mà ngày càng trầm trọng thêm; vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, hai bên không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án bà C cố tình vắng mặt không đến Tòa. Ngày 17/7/2023 Tòa đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà bà C để lấy lời khai nhưng không có bà C ở nhà. Vì vậy, Tòa đã lập biên bản lấy lời khai không được để làm bằng. Ngày 30/8/2023 ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ để giải phóng cho đôi bên.

[3] Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, ông Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Căn cứ vào các Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.*

*Tuyên xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Đ và bà Đinh Thị C được ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, ông Nguyễn Đình Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đình Đ không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Đ thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004041 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND xã G, huyện Gi; tỉnh N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thảo Linh Phương**